TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 328/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2023
"v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh và bà Ngô Thị Thơm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương***: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 333/TLST-HNGĐ ngày 12/7/2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 354/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 260/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1990; nơi cư trú trước xuất cảnh: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản của Tòa án: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993; địa chỉ: Số X đường Đ, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1987; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin vắng mặt, giấy ủy quyền (có xác nhận của UBND xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương), nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Tr được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 29/3/2010. Sau khi kết hôn, chị và anh Tr chung sống tại thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc nhưng càng về sau càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Giữa năm 2017, anh Tr đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Năm 2018, chị cũng sang Đài Loan làm việc. Khi ở Đài Loan, hai anh chị không chung sống cùng nhau mà chỉ thỉnh thoảng gặp nhau vào cuối tuần. Mỗi lần gặp nhau, chị và anh Tr đều xảy ra cãi vã. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần can thiệp, hòa giải nhưng mâu thuẫn của vợ chồng chị vẫn không cải thiện được. Cuối năm 2020, do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị và anh Tr không còn liên lạc, không gặp nhau nữa. Ngày 23/6/2023, chị về Việt Nam để làm thủ tục ly hôn anh Tr. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Tr.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Phương L1, sinh ngày 16/6/2011 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 01/11/2016. Hiện các cháu đều đang ở cùng ông bà nội. Sau khi ly hôn, chị đề nghị giao cả 02 con chung cho anh Tr nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng, chị và anh Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị L không cung cấp được địa chỉ của anh Tr ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh Tr. Ông Nguyễn Văn L (là bố đẻ của anh Tr) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh Tr ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh Tr vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình ông qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Tr biết. Quan điểm của anh Tr là do vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, anh Tr nghi ngờ chị L không còn chung thủy nên chị L có đơn xin ly hôn, anh Tr đồng ý. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị L trình bày là đúng. Sau khi ly hôn, anh Tr đề nghị được nuôi cả hai con là Nguyễn Thị Phương L1 và Nguyễn Phương A. Trong thời gian ở nước ngoài, anh ủy quyền cho ông L nuôi dưỡng cháu L1 và cháu Phương A cho đến khi anh về Việt Nam. Anh Tr tự nguyện không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L có quan điểm: Trong thời gian anh Tr không ở Việt Nam, ông đồng ý nhận ủy quyền của anh

Tr về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Phương L1 và cháu Nguyễn Phương A và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn Tr. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Phương L1, sinh ngày 16/6/2011 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 01/11/2016 cho anh L nuôi dưỡng cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu L1 và cháu Phương A cho ông Nguyễn Văn L nuôi dưỡng cho đến khi anh Tr về Việt Nam. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn Tr hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, đều có hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị L không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Tr ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng gia đình anh Tr đều trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Tr ở Đài Loan. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn L là bố đẻ của anh Tr để ông L thông tin lại cho anh Tr biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị L và anh Tr đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị L, anh Tân, ông L vắng mặt, có đơn và quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Tr đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn Tr kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 29/3/2010 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị L và anh Tr đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị L trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, còn theo anh Tr trình bày là do anh nghi ngờ chị L không còn chung thủy. Thực tế, chị L và anh Tr đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, vợ chồng không còn liên lạc, không quan tâm, chia sẻ, yêu thương, chăm sóc giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị L và anh Tr đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L có đơn xin ly hôn, anh Tr đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh Tr đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị L được ly hôn anh Tr là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn Tr có 02 con chung là Nguyễn Thị Phương L1, sinh ngày 16/6/2011 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 01/11/2016. Sau khi ly hôn, chị L và anh Tr đều có quan điểm giao cháu L1 và cháu Phương A cho anh Tr nuôi dưỡng. Do anh Tr đang ở nước ngoài nên chị L và anh Tr đề nghị Tòa án tạm giao cả hai cháu cho ông nội là Nguyễn Văn L nuôi dưỡng cho đến khi anh Tr về Việt Nam. Ông L đồng ý nhận ủy quyền của anh Tr. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của các đương sự. Tạm giao cháu Nguyễn Thị Phương L1 và cháu Nguyễn Phương A cho ông Nguyễn Văn L chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh Tr không có mặt tại Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Tr không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn Tr.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Nguyễn Văn Tr được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Thị Phương L1, sinh ngày 16/6/2011 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 01/11/2016 kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu L1 và cháu Phương A cho ông Nguyễn Văn L nuôi dưỡng trong thời gian anh Tr không có mặt tại Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Tr không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con. Sau khi ly hôn, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) do anh Nguyễn Ngọc Tân nộp thay, theo biên lai thu tiền số AA/2022/0002132 ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L, anh Nguyễn Văn Tr vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chất